

8. Xã Đại Phúc

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

	Đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đường 1 tháng 8 (Trục chính từ Km 0+00 (Quốc lộ 37 Km 149+920, ranh giới tiếp giáp xóm An Long, xã Đại Phúc và xóm 2, xã An Khánh) đến Km 6+170 (Quốc lộ 37 Km 154+250, ranh giới tiếp giáp xóm Đình, xã Đại Phúc)					
1	Đoạn 1	Giáp đất xã An Khánh	Kiot xăng dầu dốc Đình xã Đại Phúc	6.000	4.200	4.200
2	Đoạn 2	Kiot xăng dầu dốc Đình	Cầu Đầm Phú	7.500	5.250	5.250
3	Đoạn 3	Cầu Đầm Phú	Đường rẽ vào Hồ Núi Cốc	9.300	6.510	6.510
4	Đoạn 4	Đường rẽ vào Hồ Núi Cốc	Đầu cầu Huy Ngạc	10.400	7.280	7.280
5	Đoạn 5	Đầu cầu Huy Ngạc	Đường rẽ xóm Cầu Thành	13.300	9.310	9.310
6	Đoạn 6	Đường rẽ xóm Cầu Thành	Cổng Cầu Bò	14.800	10.360	10.360
7	Đoạn 7	Cổng Cầu Bò	Đường rẽ vào xóm Trung Hòa	17.500	12.250	12.250
8	Đoạn 8	Đường rẽ vào xóm Trung Hòa	Đường rẽ vào Khu di tích 27/7	15.000	10.500	10.500
9	Đoạn 9	Đường rẽ vào Khu di tích 27/7	Kiot xăng dầu số 19	13.800	9.660	9.660
10	Đoạn 10	Kiot xăng dầu số 19	Đường rẽ vào Cầu Đen	13.300	9.310	9.310
Trục phụ đường 1 tháng 8						
1	Từ đường 1 tháng 8 đến giáp đất quy hoạch dự án khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (đường 1 tháng 8 đi xóm An Long)	Đường 1 tháng 8	Đất quy hoạch dự án khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (đường 1 tháng 8 đi xóm An Long)	3.500	2.450	2.450
2	Đường bê tông từ xóm (giáp dự án Núi Pháo) đến ngã ba đường đi xóm Hàm Rồng và xóm Vân Long	Đường 1 tháng 8	Đường bê tông từ xóm (giáp dự án Núi Pháo) đến ngã ba đường đi xóm Hàm Rồng và xóm Vân Long	2.200	1.540	1.540
3	Từ đường 1 tháng 8 vào khu quy hoạch dân cư sau Xí nghiệp chè Đại Từ	Đường 1 tháng 8	Vào khu quy hoạch dân cư sau Xí nghiệp chè Đại Từ	3.300	2.310	2.310
4	Từ đường 1 tháng 8 vào Trường Tiểu học Hùng Sơn I					
4.1	Đoạn 1	Đường 1 tháng 8	Cổng làng nghề xóm Hàm Rồng	4.800	3.360	3.360
4.2	Đoạn 2	Cổng làng nghề xóm Hàm Rồng	Trường tiểu học Hùng Sơn I đến ngã tư đường đi xóm Vân Long	3.600	2.520	2.520
4.3	Đoạn 3	Trường tiểu học Hùng Sơn I	Qua nhà văn hóa xóm Hàm Rồng đến nhà bà Nguyễn Bích Thủy xóm Hàm	2.200	1.540	1.540

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
			Rõng			
5	Từ đường 1.8 qua ngã tư xóm Hàm Rông đi xóm Vân Long đến hết đất xã Đại Phúc					
5.1	Đoạn 1	Đường 1 tháng 8	Ngã tư đường đi xóm Vân Long	1.700	1.190	1.190
5.2	Đoạn 2	Ngã tư đường đi xóm Vân Long	Hết đất xã Đại Phúc	1.300	910	910
5.3	Đoạn 3	Đường 1 tháng 8	Trục đường liên xã Đại Phúc - La Bằng - Phú Thịnh, đoạn từ giáp đất xã Đại Phúc đến giáp đất xã La Bằng	1.000	700	700
6	Từ đường 1 tháng 8 vào khu tái định cư Hùng Sơn III					
6.1	Đường Hàm Rông					
6.1.1	Đoạn 1	Đường 1 tháng 8	Hết đất lô M4	7.200	5.040	5.040
6.1.2	Đoạn 2	Lô N9	Lô A1	6.500	4.550	4.550
6.2	Các tuyến đường còn lại trong khu quy hoạch tái định cư Hùng Sơn III			5.800	4.060	4.060
7	Xóm Cầu Thành: Từ đường 1 tháng 8 đến Nhà văn hóa xóm Cầu Thành 2, xã Đại Phúc	Đường 1 tháng 8	Nhà văn hóa xóm Cầu Thành 2, xã Đại Phúc	7.200	5.040	5.040
8	Đường Nam Sông Công (từ đường 1 tháng 8 đến cầu Suối Mang)					
8.1	Từ đường 1 tháng 8 đến hết đất Nhà thờ Sơn Hà	Đường 1 tháng 8	Nhà thờ Sơn Hà	10.100	7.070	7.070
8.2	Từ hết đất Nhà thờ Sơn Hà đến Suối Mang	Nhà thờ Sơn Hà	Suối Mang	8.100	5.670	5.670
8.3	Trục phụ và nhánh đường Nam Sông Công					
8.3.1	Đoạn 1	Đường Nam Sông Công	Đường bê tông qua nhà ông Trường ra đường trục chính Nam Sông Công	3.200	2.240	2.240
8.3.2	Đoạn 2	Đường Nam Sông Công	Hết khu quy hoạch điều chỉnh chợ Nam Sông Công	5.500	3.850	3.850
8.3.3	Đoạn 3	Nhánh đường Nam Sông Công	Khu dân cư điều chỉnh đất chợ Nam Sông Công	4.300	3.010	3.010
9	Đường Phạm Bá Trục: Toàn tuyến	Toàn tuyến		5.100	3.570	3.570
10	Từ đường 1 tháng 8 (qua Nhà văn hóa xóm Cầu Thành 1) đến hết đất KDC xóm Xuân Đài	Đường 1 tháng 8	Qua nhà văn hóa xóm Cầu Thành 1 đến hết đất KDC xóm Xuân Đài	2.900	2.030	2.030
11	Từ đường 1 tháng 8 đến cổng Trường Trung học phổ thông Đại Từ	Đường 1 tháng 8	Cổng Trường Trung học phổ thông Đại Từ	6.500	4.550	4.550
12	Các lô đất ở thuộc khu quy hoạch sau Tổ hợp y tế CMEC	Đường 1 tháng 8	Các lô đất ở thuộc khu quy hoạch sau	4.000	2.800	2.800

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
			Tổ hợp y tế CMEC			
13	Đường 19 tháng 8: Từ đường 1 tháng 8 vào đường Đồng Khốc đến giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	Đường 1 tháng 8	Vào đường Đồng Khốc đến giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	10.100	7.070	7.070
14	Từ đường 1 tháng 8 đường rẽ vào xóm Trung Hòa (qua khối đoàn thể cũ) ra đường 1 tháng 8 (đèn xanh đèn đỏ) và nhánh từ ngã 3 công Chùa Minh Sơn đến đường tròn KDC 1A	Đường 1 tháng 8	Vào xóm Trung Hòa (qua khối đoàn thể cũ) ra đường 1 tháng 8 (đèn xanh đèn đỏ) và nhánh từ ngã 3 công Chùa Minh Sơn đến đường tròn KDC 1A	3.200	2.240	2.240
15	Từ đường 1 tháng 8 (cầu Tây xóm Tân Sơn) đến công Đài tưởng niệm	Đường 1 tháng 8 (cầu Tây xóm Tân Sơn)	Công Đài tưởng niệm	5.100	3.570	3.570
16	Từ đường 1 tháng 8 (đối diện Ngân hàng nông nghiệp huyện Đại Từ) vào đến khu dân cư 1A	Đường 1 tháng 8 (đối diện Ngân hàng nông nghiệp huyện Đại Từ)	Khu dân cư 1A	3.200	2.240	2.240
17	Từ đường 1 tháng 8 vào đến công UBND xã Đại Phúc	Đường 1 tháng 8	Công UBND xã Đại Phúc	8.600	6.020	6.020
18	Từ đường 1 tháng 8 vào Nhà máy nước					
18.1	Đoạn 1	Đường 1 tháng 8	Hết đất nhà máy nước	5.100	3.570	3.570
18.2	Đoạn 2	Hết đất nhà máy nước	Giáp bờ sông	3.700	2.590	2.590
19	Các trục đường còn lại					
19.1	Độ rộng đường $\geq 3m$,			2.000	1.400	1.400
19.2	Độ rộng đường $< 3m$ và các trục đường còn lại			1.500	1.050	1.050
II	Đường tỉnh 270 (từ đường 1 tháng 8 đi qua Hồ Núi Cốc)					
1	Đoạn 1	Đường 1 tháng 8	Cột mốc Km6 (Hồ Núi Cốc)	5.200	3.640	3.640
2	Đoạn 2	Cột mốc Km6 (Hồ Núi Cốc)	Chùa Sơn Đô	4.500	3.150	3.150
3	Đoạn 3	Chùa Sơn Đô	Cống qua đầm Ông Cầu	6.000	4.200	4.200
4	Đoạn 4	Cống qua đầm Ông Cầu	Nhà văn hóa xóm Góc Mít	7.000	4.900	4.900
5	Đoạn 5	Nhà văn hóa xóm Góc Mít	Cầu Khuôn Năm	6.000	4.200	4.200
6	Đoạn 6	Cầu Khuôn Năm	Ngã 3 xóm Cao Trâng	6.500	4.550	4.550
7	Đoạn 7	Ngã 3 xóm Cao Trâng	Giáp đất xã Quyết Thắng (đường Bắc Sơn)	9.000	6.300	6.300
III	Trục phụ Đường tỉnh lộ 270					
1	Độ rộng đường $\geq 3m$, vào 300m đầu tiên			2.200	1.400	1.400
2	Độ rộng đường $< 3m$ và các trục đường còn lại			1.500	1.050	1.050

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
IV	Đường Lưu Nhân Chú (từ ngã ba Bưu điện huyện Đại Từ đi Quân Chu, đến hết đất thị trấn Hùng Sơn)					
1	Đoạn 1	Đường 1 tháng 8	Cổng Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ	15.500	10.850	10.850
2	Đoạn 2	Cổng Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ	Cầu Suối Tắm	9.500	6.650	6.650
	Trục phụ Đường Lưu Nhân Chú					
1	Đường Trương Văn Nho (từ đường Lưu Nhân Chú Km 0+100, tổ dân phố Tân Sơn tổ dân phố Chợ 2, công phụ Trường Trung học Phổ thông Đại Từ): Từ đường Lưu Nhân Chú (cầu Gò Sơn) đến công phụ Trường Trung học phổ thông Đại Từ	Đường Lưu Nhân Chú	Cổng phụ Trường Trung học phổ thông Đại Từ	5.700	3.990	3.990
2	Đường Cầu Thông (từ đường ĐT 263B Km 0+390, xóm Cầu Thông đến đường Lưu Nhân Chú Km 0+330, xóm Tân Sơn):					
2.1	Đoạn 1	Cổng Đài tưởng niệm huyện Đại Từ	Cổng ban Chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ	6.600	4.620	4.620
2.2	Đoạn 2	Cổng ban Chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện đến đường Đồng Doãn Khuê	5.800	4.060	4.060
3	Phố Sân Tập (từ đường Lưu Nhân Chú qua cổng Bệnh viện Đa khoa đến cầu Thanh Niên đi xóm Đồng Cà)					
3.1	Đoạn 1	Đường Lưu Nhân Chú	Hết đất Trường Nguyễn Tất Thành	7.100	4.970	4.970
3.2	Đoạn 2	Giáp đất Trường Nguyễn Tất Thành	Cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	9.500	6.650	6.650
3.3	Đoạn 3	Cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	Cầu Thanh Niên đi xóm Đồng Cà	5.000	3.500	3.500
4	Từ đường vào Bệnh viện Đa khoa Đại Từ đến Trung tâm Y tế huyện Đại Từ	Đường vào Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	Trung tâm y tế huyện Đại Từ	4.300	3.010	3.010
5	Từ đường Lưu Nhân Chú vào hết Trường Dân tộc Nội trú (tổ dân phố Phú Thịnh, thị trấn Hùng Sơn)	Đường Lưu Nhân Chú	Hết Trường Dân tộc Nội trú (tổ dân phố Phú Thịnh, thị trấn Hùng Sơn)	2.600	1.820	1.820
6	Từ đường Lưu Nhân Chú qua đình Thái Lạc đến hết Khu dân cư	Đường Lưu Nhân Chú	Qua đình Thái Lạc đến hết Khu dân cư	2.000	1.400	1.400
V	Đường Đồng Doãn Khuê (Từ đường 1 tháng 8 (đèn xanh, đèn đỏ) đi Khu di tích 27/7					

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	đến hết đất thị trấn Hùng Sơn)					
1	Đoạn 1	Đường 1 tháng 8 (đèn xanh, đèn đỏ)	Khu di tích 27/7	8.500	5.950	5.950
2	Đoạn 2	Khu di tích 27/7	Hết đất xã Đại Phúc	7.200	5.040	5.040
	Trục phụ Đường Đồng Doãn Khuê					
1	Từ đường Đồng Doãn Khuê đến đường xóm Tân Sơn	Đường Đồng Doãn Khuê	Đường xóm Tân Sơn	4.200	2.940	2.940
2	Từ Nhà Văn hoá xóm Bàn Cờ - xã Đại Phúc đến tiếp giáp đường vào Trường Dân tộc Nội trú	Nhà văn hóa xóm Bàn Cờ - xã Đại Phúc	Tiếp giáp đường vào Trường Dân tộc Nội trú	3.200	2.240	2.240
3	Từ đường Đồng Doãn Khuê đến cổng Trường Dân tộc Nội trú	Đường Đồng Doãn Khuê	Cổng Trường Dân tộc Nội trú	3.500	2.450	2.450
4	Phố Bàn Cờ: Toàn tuyến	Toàn tuyến		2.900	2.030	2.030
VI	Đường WB3 (Đường rẽ đi Phúc Tân qua đập tràn đến hết địa phận xã Đại Phúc)					
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Phúc Thuận	UBND xã Phúc Tân cũ 500m	2.200	1.540	1.540
2	Đoạn 2	UBND xã Phúc Tân cũ 500m	Qua UBND xã Phúc Tân cũ 500m	2.500	1.750	1.750
3	Đoạn 3	Qua UBND xã Phúc Tân cũ 500m	Giáp đất xã Tân cương cũ	2.200	1.540	1.540
	Trục phụ đường WB3					
1	Từ đường WB3 đến nhà văn hóa xóm 11	Đường WB3	Nhà văn hóa xóm 11	2.500	1.750	1.750
2	Các trục đường còn lại					
2.1	Độ rộng đường $\geq 3m$			1.500	1.050	1.050
2.2	Độ rộng đường $< 3m$			1.000	700	700
VII	Đường Tố Hữu (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Quyết Thắng đến hết đất thành phố)					
1	Đoạn 1	Ngã tư xóm Cây xanh	Qua chợ Phúc Xuân đến gặp đường Bắc Sơn	5.200	3.640	3.640
2	Đoạn 2	Đường rẽ UBND xã Phúc Xuân cũ	Đường rẽ Trạm y tế xã Phúc Xuân cũ	6.000	4.200	4.200
3	Đoạn 3	Đường rẽ Trạm y tế xã Phúc Xuân cũ	Gặp đường Bắc Sơn	5.200	3.640	3.640
	Trục phụ					
1	Ngõ số 06: Rẽ từ đường Tố Hữu vào đến Nhà văn hóa Nhà Thờ 1, Nhà văn hóa Nhà Thờ 2, Nhà văn hóa Nhà thờ					
1.1	Đoạn 1	Đường Tố Hữu	Nhà văn hóa nhà Thờ 1	2.500	1.750	1.750
1.2	Đoạn 2	Nhà văn hóa nhà Thờ 1	Nhà văn hóa nhà thờ	2.100	1.470	1.470
1.3	Đoạn 3	Nhà văn hóa nhà Thờ 1	Nhà văn hóa nhà thờ 2	2.100	1.470	1.470

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
2	Rẽ từ đường Tô Hữu vào đến Nhà văn hóa xóm Giữa 1	Đường Tô Hữu	Nhà văn hóa xóm Giữa 1	2.500	1.750	1.750
3	Ngõ số 07: Nhà văn hóa xóm Giữa 2 vào đến Nhà văn hóa xóm Giữa 1	Nhà văn hóa xóm Giữa 2	Nhà văn hóa xóm Giữa 1	2.100	1.470	1.470
4	Ngõ số 08: Rẽ từ đường Tô Hữu theo 2 đường					
4.1	Đoạn 1	Đường Bắc Sơn	Khu dân cư số 1, 2 xã Phúc Xuân	2.500	1.750	1.750
4.2	Đoạn 2	Đường Bắc Sơn	Nhà văn hóa xóm Cây Thị 2	1.900	1.330	1.330
5	Ngõ số 11: Rẽ đến Trạm Y tế xã Phúc Xuân					
5.1	Đoạn 1	Đường Tô Hữu	Trạm y tế xã Phúc Xuân cũ	3.000	2.100	2.100
5.2	Đoạn 2	Trạm y tế xã Phúc Xuân cũ	Nhà văn hóa xóm Cao Trăng	2.400	1.680	1.680
6	Rẽ từ đường Tô Hữu đến gặp đường Phúc Xuân - Phúc Triu	Đường Tô Hữu	Gặp đường Phúc Xuân - Phúc Triu	2.200	1.540	1.540
7	Từ Nhà văn hoá xóm Đồng Lạnh đến đập tràn Phúc Triu	Nhà văn hóa xóm Đồng Lạnh	Đập tràn Phúc Triu	2.500	1.750	1.750
8	Từ đường Tô Hữu rẽ vào đến ngã ba Khuôn Năm 1, 2					
8.1	Đoạn 1	Đường Tô Hữu	Nhà văn hóa xóm Khuôn Năm 1	2.500	1.750	1.750
8.2	Đoạn 2	Nhà văn hóa xóm Khuôn Năm 1	Nhà văn hóa xóm Khuôn Năm 2	1.900	1.330	1.330
9	Từ đường Tô Hữu rẽ vào xưởng nông cụ 1 cũ, vào 100m	Đường Tô Hữu	Vào xưởng nông cụ 1 cũ, vào 100m	1.900	1.330	1.330
10	Từ ngã ba đi đảo Nam Hồ Núi Cốc đến đỉnh đèo Cao Trăng	Ngã ba đi đảo Nam Hồ Núi Cốc	đỉnh đèo Cao Trăng	3.300	2.310	2.310
11	Từ đường Phúc Xuân đến xóm rừng Chùa xã Phúc Triu	Đường Phúc Xuân	Xóm rừng Chùa xã Phúc Triu	2.500	1.750	1.750
12	Từ đường Tô Hữu đến hết khách sạn May Plaza	Đường Tô Hữu	Hết khách sạn May Plaza	3.000	2.100	2.100
VIII	ĐƯỜNG PHÚC XUÂN (Từ đường Tô Hữu đến đường Phúc Triu)					
1	Toàn tuyến			2.500	1.750	1.750
	Trực phụ					
1	Từ đường Phúc Xuân rẽ theo 2 đường đến Nhà văn hóa xóm Đồng Lạnh	Đường Phúc Xuân	Nhà văn hóa xóm Đồng Lạnh	1.500	1.050	1.050
IX	Đường Tân Cương (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Tân Cương đến đường Nam Hồ Núi Cốc)					
1	Từ giáp đất xã Tân Cương đến đường Phúc Triu	Giáp đất xã Tân Cương	Đường Phúc Triu	3.500	2.450	2.450
	Trực phụ					
1	Ngõ số 8 vào 100m	Đường Tân Cương	Vào 100m	1.800	1.260	1.260
2	Các trục liên xóm, liên xã khác là đường bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5m$, vào 500m			1.500	1.050	1.050
3	Các trục đường còn lại			1.000	700	700

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
X	Đường Phúc Triu (Từ đường Tân Cương đi dọc theo kênh Núi Cốc đến đường Nam Núi Cốc)					
1	Toàn tuyến			2.500	1.750	1.750
	Trực phụ					
1	Các trục nhánh tiếp giáp với Đường Phúc Triu vào 500m	Các trục nhánh tiếp giáp với đường Phúc Triu	Vào 500m	1.500	1.050	1.050
2	Các trục đường còn lại			1.000	700	700
XI	Đường Nam Núi Cốc (Từ đường Phúc Triu đến đường Tổ Hữu)					
1	Toàn tuyến			2.200	1.540	1.540
	Trực phụ					
1	Các trục nhánh tiếp giáp với Đường Nam Núi Cốc vào 500m	Các trục nhánh tiếp giáp với đường Nam Núi Cốc	Vào 500m	1.200	840	840
2	Các trục đường còn lại			1.000	700	700
XII	CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, KHU DÂN CƯ, KHU ĐÔ THỊ					
1	Khu dân cư số 1A, xã Đại Phúc					
1.1	Đường Hùng Sơn Từ Km 0+00 (Quốc lộ 37 km 152+980, bên phải, xóm Chợ 2), Km 0+950 (Đường tròn khu vực Trường Mầm non Quốc tế Ánh Dương).			10.500	7.350	7.350
1.2	Đường rộng 30m (không bao gồm đường Hùng Sơn)			10.500	7.350	7.350
1.3	Đường rộng 19,5m			9.600	6.720	6.720
1.4	Đường rộng 15,5m			9.400	6.580	6.580
2	Khu dân cư số 1B, Xã Đại Phúc, đường rộng 15m			9.200	6.440	6.440
3	Khu đô thị 1C, Xã Đại Phúc					
3.1	Đường rộng 30m			10.500	7.350	7.350
3.2	Đường rộng 19,5m			9.600	6.720	6.720
3.3	Đường rộng 16,5m			9.400	6.580	6.580
3.4	Đường rộng 15,5m			9.400	6.580	6.580
3.5	Đường rộng 7,5m			8.300	5.810	5.810
4	Khu đô thị 1D, Xã Đại Phúc					
4.1	Đường Thanh Niên: Từ Km 0+00 (bên trái, Khu đô thị 1B đường Hùng Sơn) đến Km 0+350 (Quốc lộ 37 km 153+880, bên phải, xóm Đình).			10.500	7.350	7.350
4.2	Đường rộng 36m (không bao gồm đường Thanh Niên)			10.500	7.350	7.350
5	Khu đô thị Cầu Thông, xã Đại Phúc, đường rộng 15m			6.200	4.340	4.340
6	Khu dân cư chợ cũ xóm Tân Lập, xã Đại Phúc, đường rộng 10,5m			6.400	4.480	4.480
7	Khu tái định cư xã Đại Phúc (Đồi Nam Vân), đường rộng			5.200	3.640	3.640

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	10,5m					
8	Khu đô thị GARDEN CITY					
8.1	Đường Hoa Ban, đường Hoa Đào, đường Hoa Mai			7.000	4.900	4.900
8.2	Các đường quy hoạch còn lại trong khu đô thị Garden City			6.000	4.200	4.200
9	Khu dân cư Hồ Thỏ Hồng					
9.1	Các thửa đất thuộc lô NO-49 (Đường rộng 10m)			6.500	4.550	4.550
10	Khu đô thị Hoàng Gia					
10.1	Đường rộng 27m			6.000	4.200	4.200
10.2	Đường rộng 15m			5.500	3.850	3.850
11	Khu dân cư Quyết Thắng - Phúc Xuân					
11.1	Đường rộng 15m			4.100	2.870	2.870
11.2	Đường rộng 12m			2.800	1.960	1.960
11.3	Đường rộng 7m			3.000	2.100	2.100
12	Khu tái định cư số 1, 2 xóm Trung tâm, xã Phúc Xuân					
12.1	Đường rộng 19,5m			4.200	2.940	2.940
12.2	Đường rộng 13m			3.600	2.520	2.520
XIII	Các đường còn lại					
1	Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông					
1.1	Độ rộng mặt đường rộng $\geq 3m$			1.000	700	700
1.2	Độ rộng mặt đường rộng từ $< 3m$			800	560	560